| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 196/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Cư.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Luận;

Bà Phạm Thị Tuyết An.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở 2 – Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 459/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phan Thị Ái N, sinh ngày 15/05/1991.

Địa chỉ: Ấp H, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Lý Vĩnh T, sinh ngày 01/01/1987.

Địa chỉ: Ấp H, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

*(Anh T có mặt, chị N có đơn xin vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo lời trình bày của nguyên đơn Phan Thị Ái N có trong hồ sơ vụ án:* Vào năm 2012, chị N và anh T tìm hiểu, sống chung với nhau, đến ngày 10/02/2015 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Đồng Tháp). Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Lý Ngọc Kiều N1, sinh ngày 21/03/2012 và Lý Vĩnh T1, sinh ngày 11/08/2016. Thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc, nhưng đến tháng 01/2024 thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn như trước, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N và anh T đã

ly thân cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn nên chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh T vì tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lý Vĩnh T1, sinh ngày 11/08/2016 (hiện đang sống chung với chị N), không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung tên Lý Ngọc Kiều N1, sinh ngày 21/03/2012 (hiện đang sống chung với anh T) thì chị N đồng ý giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời trình bày của bị đơn Lý Vĩnh T:* Vào năm 2012, sau thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau thì anh T và chị N được hai bên gia đình chấp thuận và tổ chức lễ cưới về chung sống với nhau, đến ngày 10/02/2015 thì mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Đồng Tháp). Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên là Lý Ngọc Kiều N1, sinh ngày 21/03/2012 và Lý Vĩnh T1, sinh ngày 11/08/2016. Anh T và chị N chung sống hạnh phúc được thời gian đầu hôn nhâu, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhiều vấn đề trong cuộc sống, thường xuyên cải nhau nhiều năm mà không thể hòa thuận được nên anh T đã ly thân với chị N từ năm 2024 đến nay, trong thời gian ly thân thì anh T và chị N cũng không hàn gắn lại được tình cảm tuy nhiên anh T vẫn còn thương chị N. Nay qua yêu cầu khởi kiện của chị N thì anh T có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị N vì anh T còn thương vợ, mong Tòa án xem xét không cho vợ chồng anh T ly hôn.

- Về con chung: Nếu Tòa án án giải quyết cho ly hôn thì anh T đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lý Vĩnh T1, sinh ngày 11/08/2016 (hiện đang sống chung với chị N), anh T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung tên Lý Ngọc Kiều N1, sinh ngày 21/03/2012 (hiện đang sống chung với anh T) thì anh T đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo nội dung vụ án đã được nêu ở trên thì xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Phan Thị Ái N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 10/02/2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 08, quyển số: 01/2015 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Đồng Tháp) nên hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp.

Chị N trình bày thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc, nhưng đến tháng 01/2024 thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn như trước, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N và anh T đã ly thân cho đến nay. Anh T cũng thừa nhận việc vợ chồng mâu thuẫn và ly thân từ năm 2024 đến nay, trong thời gian ly thân thì anh T và chị N cũng không hàn gắn lại được tình cảm tuy nhiên anh T vẫn còn thương chị N, nhưng chị N thì vẫn cương quyết ly hôn với anh T. Xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên Lý Ngọc Kiều N1, sinh ngày 21/03/2012 và Lý Vĩnh T1, sinh ngày 11/08/2016.

Chị N yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lý Vĩnh T1, sinh ngày 11/08/2016 (hiện đang sống chung với chị N), phù hợp với nguyện vọng được sống chung với mẹ nếu cha mẹ ly hôn của cháu T1 (tại Đơn trình bày nguyện vọng của con đề ngày 28/5/2026 của cháu T1); đối con chung tên Lý Ngọc Kiều N1, sinh ngày 21/03/2012 (hiện đang sống chung với anh T), chị N đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1, phù hợp với nguyện vọng được sống chung với cha nếu cha mẹ ly hôn của cháu N1 (tại Đơn trình bày nguyện vọng của con đề ngày 28/5/2026 của cháu N1). Anh T đồng ý với yêu cầu trên của chị N nên chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung tên Lý Vĩnh T1, sinh ngày 11/08/2016 cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung tên Lý Ngọc Kiều N1, sinh ngày 21/03/2012 cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng và không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*", vì vậy chị Phan Thị Ái N phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000826 ngày 14/07/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Phan Thị Ái N đã nộp đủ án phí. Anh Lý Vĩnh T không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phan Thị Ái N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Ái N được ly hôn với anh Lý Vĩnh T.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Lý Vĩnh T1, sinh ngày 11/08/2016 cho chị Phan Thị Ái N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (hiện cháu T1 đang sống chung với chị N và có nguyện vọng được sống chung với chị N).

Giao con chung tên Lý Ngọc Kiều N1, sinh ngày 21/03/2012 cho anh Lý Vĩnh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (hiện cháu N1 đang sống chung với anh T và có nguyện vọng được sống chung với anh T).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị Ái N và anh Lý Vĩnh T đều không yêu cầu cấp dưỡng và không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Ái N và anh Lý Vĩnh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Ái N có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000826 ngày 14/07/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Phan Thị Ái N đã nộp đủ án phí.

Anh Lý Vĩnh T không phải chịu án phí.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/8/2026). Riêng nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã A (Giấy CNKH số: 08, quyển số: 01/2015, ngày 10/02/2015 của UBND xã T, huyện T cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Cư**